

003.N/BCB-VHTTDL

số 139/2026/NĐ-CP ngày

07/4/2026

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp

sau năm báo cáo

HUY CHƯƠNG THI ĐẦU

THỂ THAO QUỐC TẾ

Các môn thi đấu cá nhân

Năm...

Đơn vị báo cáo:

Bộ Văn hóa, Thể thao
và Du lịch

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê, Bộ Tài

chính

Đơn vị tính: Huy chương

[illegible]

Wushu	09																
Judo	10																
Vovinam	11																
Vật tự do	12																
Vật cổ điển	13																
Bi a	14																
Quần vợt	15																
Cầu mây	16																
Cầu lông	17																
Bắn súng	18																
Bắn cung	19																
Bắn đĩa bay	20																
Cờ vua	21																
Cờ tướng	22																
Bóng bàn	23																
Thể dục	24																
Chèo thuyền	25																
Xe đạp	26																
...	...																
2. Chia theo giới tính																	
- Nam																	
- Nữ																	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.N/BCB-VHTTDL: Huy chương thi đấu thể thao quốc tế (Các môn thi đấu cá nhân)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế là số huy chương vàng, bạc, đồng của vận động viên Việt Nam đạt được trong các giải thi đấu thể thao thành tích cao quốc tế chính thức trong năm. Các giải thể thao thành tích cao quốc tế chính thức gồm:

- Giải Thế giới: Đại hội Olympic; đại hội Olympic trẻ; giải vô địch thế giới; đại hội thể thao quy mô thế giới khác; cúp thế giới; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới.
- Giải Châu Á: Đại hội thể thao châu Á; giải vô địch châu Á; cúp châu Á; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á; đại hội thể thao quy mô châu Á khác.
- Giải Đông Nam Á: Đại hội thể thao Đông Nam Á; giải vô địch Đông Nam Á; cúp Đông Nam Á; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ Đông Nam Á.

Phạm vi thu thập số liệu: Toàn bộ huy chương của vận động viên nước ta đạt được trong các giải thi đấu thể thao quốc tế chính thức trong năm đối với các môn thi đấu có nội dung cá nhân.

Thời kỳ thu thập số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

2. Cách ghi biểu

a) Cách ghi cột:

- Cột 1: Ghi tổng số huy chương các loại đạt được.
- Cột 2: Ghi tổng số huy chương các loại đạt được chia theo các giải Thế giới.
- Cột 3: Ghi tổng số huy chương các loại đạt được chia theo các giải Châu Á.
- Cột 4: Ghi tổng số huy chương các loại đạt được chia theo các giải Đông Nam Á.
- Cột 5: Ghi tổng số huy chương Vàng đạt được.
- Cột 6: Ghi tổng số huy chương Vàng đạt được chia theo các giải Thế giới.
- Cột 7: Ghi tổng số huy chương Vàng đạt được chia theo các giải Châu Á.
- Cột 8: Ghi tổng số huy chương Vàng đạt được chia theo các giải Đông Nam Á.
- Cột 9: Ghi tổng số huy chương Bạc đạt được.
- Cột 10: Ghi tổng số huy chương Bạc đạt được chia theo các giải Thế giới.
- Cột 11: Ghi tổng số huy chương Bạc đạt được chia theo các giải Châu Á.
- Cột 12: Ghi tổng số huy chương Bạc đạt được chia theo các giải Đông Nam Á.
- Cột 13: Ghi tổng số huy chương Đồng đạt được.
- Cột 14: Ghi tổng số huy chương Đồng đạt được chia theo các giải Thế giới.

- Cột 15: Ghi tổng số huy chương Đồng đạt được chia theo các giải Châu Á.
- Cột 16: Ghi tổng số huy chương Đồng đạt được chia theo các giải Đông Nam Á.

b) Cách ghi dòng:

Số huy chương chia theo từng môn thi đấu, chia theo giới tính của người đạt huy chương. Trong biểu có liệt kê 25 môn thể thao phổ biến nhất và được xếp theo thứ tự phổ biến. Tuy nhiên nếu có phát sinh thêm huy chương ở các môn thể thao nào khác thì ghi số liệu tiếp vào sau môn thể thao thứ 25.

c) Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.